

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán - 01 2018-2019

CBGD: Hoàng Oanh Thoa (663)

Đa~chuyển hòe kij 101

R08/M2/M

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08168051	NGUYỄN THANH	KIỂU	CD08CA		5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08168079	NGUYỄN THỊ KIM	LÝ	CD08CA		8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08168094	VÔ THỊ TỐ	NGA	CD08CA		5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	07363124	LÊ ĐỨC	NGUYỄN	CD08CA		9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08168161	HỒ THỊ THANH	THÚY	CD08CA		5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08168173	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	CD08CA		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09363025	HUỲNH THỊ KIM	BÀNG	CD09CA		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09363031	LÊ THỊ HỒNG	CHÂU	CD09CA		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09363041	LÊ THỊ XUÂN	DIỆU	CD09CA		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09363166	LÊ THỊ HỒNG	SEN	CD09CA		5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09363184	TRẦN THỊ	THẨM	CD09CA		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09363190	VÕ XUÂN	THỊ	CD09CA		4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09363191	HÀN NHƯ	THIỆN	CD09CA		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09363197	NGUYỄN THỊ	THU	CD09CA		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09363207	PHẠM THỊ THU	THÙY	CD09CA		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09363250	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	CD09CA		5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09363282	ĐÀO THỊ CẨM	TUYỀN	CD09CA		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09363247	VÕ NGỌC ÁNH	TUYẾT	CD09CA		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm 2011

Mr. Reg. F. N. L.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghề nghiệp - 01

CBGD: Hoàng Oanh Thoa (663)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08123014	NGUYỄN KIỀU	ĐIỂM	DH08KE		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	08123065	VÕ THỊ KHÁNH	HƯƠNG	DH08KE		9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08123091	TRẦN THỊ KIM	LOAN	DH08KE			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08123159	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	DH08KE		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08122028	NGUYỄN VĂN	ĐỒNG	DH08QT		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	08122061	TRẦN MỸ	KIM	DH08QT		4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	06119018	NGUYỄN TIỀN	LỘC	DH08QT		8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	08122073	TRƯƠNG THỊ	LUYỄN	DH08QT		9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	08122078	NGUYỄN THANH	MINH	DH08QT		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08122079	MAI NGUYỄN THÙY	MƠ	DH08QT		4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	08122089	NGUYỄN NGỌC HUỲNH	NHƯ	DH08QT		8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08122103	LÊ THANH	SANG	DH08QT		4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	08122165	ĐOÀN THỊ THANH	VY	DH08QT		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08150003	TRẦN THANH	AN	DH08TM		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	08150011	ĐẶNG THỊ KIM	CHI	DH08TM		5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	08150027	BÙI THỊ TUYẾT	GIANG	DH08TM		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	08150030	NGUYỄN LINH	GIANG	DH08TM		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	08150046	DƯƠNG ĐÌNH	HOÀNG	DH08TM		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Cán bộ coi thi 183

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm 2011

Ng' I. Ng'lof

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghề vụ thanh toán - 01

CBGD: Hoàng Oanh Thoa (663)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tờ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tờ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08150076	TRẦN THỊ LÝ	DH08TM			7,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
38	08150111	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	PHƯƠNG	DH08TM		6,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
39	08150182	VÕ THỊ HUYỀN	VI	DH08TM		8,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
40	09123008	NGUYỄN NGỌC BÍCH	CHÂU	DH09KE		5,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
41	09123058	PHAN THỊ THANH	HƯƠNG	DH09KE		5,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
42	09123086	VÕ THỊ TRÀ	MY	DH09KE		9,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
43	09123143	VÕ THỊ THANH	THẢO	DH09KE		5,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
44	09123147	NGÔ THỊ THOA	THOA	DH09KE		7,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
45	09123196	HUỲNH NGỌC TƯỜNG	VÂN	DH09KE		8,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
46	09122003	ĐẶNG HIỀN VÂN	ANH	DH09QT		8,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
47	09122006	TRẦN THỊ ÂN	ÂN	DH09QT		6,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
48	09122018	NGÔ THỊ PHƯƠNG	ĐÀI	DH09QT		6,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
49	09122024	NGUYỄN HOÀNG HAI	HAI	DH09QT		5,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
50	09122027	BÙI PHI HÀI	HÀI	DH09QT		9,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
51	09122033	TRƯỜNG THỊ HUẾ	HẠNH	DH09QT		6,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
52	09122039	VŨ TRỌNG HIẾU	HIẾU	DH09QT		9,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
53	09122041	HUỲNH CHÍ HIẾU	HIẾU	DH09QT		8,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
54	09122045	VÕ TRỌNG HIẾU	HIẾU	DH09QT		8,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

Số bài: ; Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm 2011

Nh. Ng. P. Ngọc Linh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán - 01

CBGD: Hoàng Oanh Thoa (663)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tổng số điểm	Tổng số điểm
55	09122046	TRẦN THỊ THANH	HOA	DH09QT		8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	09122053	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH09QT		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	09122051	ĐINH XUÂN	HOÀT	DH09QT		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(D) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	09164002	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	DH09QT		8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	09122104	NGÔ THANH	PHONG	DH09QT		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	09164003	NGÒ HẠ LINH	PHƯƠNG	DH09QT		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	09164004	HOÀNG THỊ	QUỲNH	DH09QT		8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	09122115	TRƯỜNG HOÀNG	SƠN	DH09QT		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	09122116	NGUYỄN THỊ NHƯ	SƯƠNG	DH09QT		8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	09122123	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	DH09QT		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	09122131	BÙI DUY	THÔNG	DH09QT		9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	09122133	PHẠM THỊ KIM	THƠ	DH09QT		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	09122156	PHAN TÚ	UYÊN	DH09QT		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	09150022	TRƯỜNG THỊ BĂNG	GIANG	DH09TM		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	09150029	LÈ THỊ	HẰNG	DH09TM		6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	09150085	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH09TM		7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Nh^ung^c. Thi Ng^o Linh